

Số: 08 /QĐ-THPTTY2

Tân Yên, ngày 21 tháng 01 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2020**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT TÂN YÊN SỐ 2**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành điều lệ trường THPT và trường THPT có nhiều cấp học ;

Căn cứ Quyết định số 12 ngày 10/01/2020 của Sở GD&ĐT Bắc Giang về việc giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020 ;

Xét đề nghị của kế toán,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2020 của Trường THPT Tân Yên số 2 ( theo biểu đính kèm Quyết định này).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Cán bộ, công chức, viên chức thuộc Trường THPT Tân Yên số 2 và các tổ chức có liên quan thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3
- Lưu: VT, KT



Chương: 422



**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số 127/QĐ-SGDĐT ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Giám đốc Sở GD&ĐT)

**Trường THPT Tân Yên số 2**

Chương 422 Loại 070 khoản 074

Đơn vị: đồng

TT	CHI TIẾT	Dự toán năm 2020 (chưa trừ TK 10%)	Trừ tiết kiệm chi khác và trừ 40% số thu tạo nguồn làm lương	Dự toán năm 2020 (đã trừ tiết kiệm)
<b>A</b>	<b>Thu sự nghiệp, dịch vụ</b>			
1	Thu từ các hoạt động cung cấp các dịch vụ công do nhà nước định giá (Học phí)			
	Giao dự toán thu Học phí THPT	553.000.000		553.000.000
	Trong đó: sử dụng 40% số thu để cải cách tiền lương		221.200.000	221.200.000
2	Thu dạy thêm, dịch vụ trông xe, thu khác...	1.168.000.000		1.168.000.000
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>12.247.450.000</b>	<b>392.200.000</b>	<b>11.855.250.000</b>
1	<b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>	<b>12.247.450.000</b>	<b>392.200.000</b>	<b>11.855.250.000</b>
1.1	- Chi lương, các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp	10.505.650.000	221.200.000	10.284.450.000
1.2	- Chi PC thu hút, PC lâu năm, trợ cấp Ian đau, chi chuyển vùng, thăm quan học tập.... (theo NĐ 116, NĐ 61)	-		-
1.3	- Chi cho học sinh DTNT theo TT 109; thuê hợp đồng nấu ăn, bảo vệ.	-		-
1.4	- Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập	41.000.000		41.000.000
1.5	- Tổng số chi chuyên môn, MSSC, chi khác	1.700.800.000	171.000.000	1.529.800.000
	<i>Trong đó: Kinh phí tối thiểu để sửa chữa mua sắm CSVN, thiết bị</i>	<i>510.240.000</i>		<i>510.240.000</i>
2	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>	-	-	-
2.1	- Học bổng DTNT	-		-
2.2	- Học bổng THPT Chuyên	-		-
2.3	- Chi hỗ trợ học sinh có hộ khẩu thường trú ở huyện	-		-
2.4	- Chi tổ chức ôn luyện HSG quốc gia và quốc tế	-		-
2.5	- Chi chế độ HS theo NĐ 116/2016/NĐ-CP	-		-
2.6	- Chi chế độ HS khuyết tật theo TTLT 42/2013/TTLT	-		-